

Phạm Bạch Hổ

Phạm Bạch Hổ - Danh tướng cuối đời nhà Ngô, tự [Phòng Át, không rõ năm sinh, năm mất. Quê xã Ngọc Đường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Ông là một trong 12 Sứ quân trong thời Ngô Suy vong (968), chiếm giữ đất Đằng Châu. Khi Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp loạn sứ quân, ông qui thuận nhà Đinh làm Thân vệ đại tướng quân, có công nhiều trong cuộc thống nhất đất nước hồi ấy.

Sau, ông mất ở xã Ngọc Đường, an táng tại đồng xã này. Vua Đinh sắc phong cho các xã Ngọc Đường, Đằng Châu thờ phụng ông. Đền Đằng Châu tục gọi đền Đức Thánh Mây hã còn di tích. Các đời Lý, Trần, Lê đều sắc phong ông làm Thượng đẳng Phúc thần.

Phạm Công Trứ (Canh Tí 1600-Át Mão 1675)

Phạm Công Trứ (Canh Tí 1600-Át Mão 1675)

Phạm Công Trứ, người làng Liêu Xuyên, tổng Liêu Xá, huyện Đường Hòa, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương, nay thuộc thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Ông sinh ngày 17 tháng 3 năm Kỷ Hợi (1599) trong một gia đình nho học, cha là Phạm Cai, mẹ là Nguyễn Thị Liên.

Ngay từ nhỏ ông tỏ ra rất ham học, phong độ giản dị, tính tình cương trực và nhân hậu. Được sự chăm sóc, dạy dỗ chu đáo của cha mẹ, lại được quan Huấn đạo Nguyễn Hiền (người ở xã An Thập, cùng huyện) giúp đỡ, nên Phạm Công Trứ đã sớm nổi tiếng giỏi thơ, văn. Lớn lên, được vào học ở trường huyện Đường Hào (ông có học cả võ bị) và được xếp vào bậc "Nhiêu học" (tiên tiến xuất sắc bấy giờ).

Năm 29 tuổi, Phạm Công Trứ đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ, xuất thân khoa Mậu Thìn, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ 10 (1628) đời vua Lê Thần Tông (1619- 1643), được giao giữ chức Thái thượng Tự khanh ở Hàn Lâm viện. Cả sự nghiệp và cuộc đời của ông gắn liền với việc xây dựng và phò tá triều Lê-Trịnh thế kỷ XVII.

Năm Tân Mùi (1631), ông được giao giữ chức Hiến sát sứ trấn Thanh Hóa.

Năm Kỷ Mão (1639) ông giữ chức Phủ Doãn phủ Phụng Thiên (thủ đô Hà Nội ngày nay), rồi làm Tham chính Tự khanh, được phép tham gia bàn luận việc Nội phủ. Năm Dương Hòa thứ 8 (1642) ông được thăng lên Tán lý đạo Sơn Nam, coi giữ việc binh. Trong hai năm Quý Mùi (1643) và Giáp Thân (1644) ông được lệnh tham gia phối hợp với Trịnh Tạc (1657-1682) đem quân đánh dẹp quân Nguyễn Phúc Lan ở phía Nam và quân Mạc ở phía Bắc. Do có công lớn, năm Ất Dậu (1645), Phạm Công Trứ được giao chức Phó Đô ngự sử, gia

phong tước Khánh Yên Bá. Ông đã cùng Nguyễn Duy Thì dẹp được cuộc nổi loạn của Trịnh Sâm, được triều đình trọng thưởng và thăng chức Ngự sử đài chính chương.

Năm Tân Sửu (1661) vâng lệnh triều đình, ông đem đại quân đi đánh dẹp lực lượng cát cứ Nguyễn Phúc Tần nổi dậy ở vùng Thuận Hóa. Thắng trận trở về ông được phong hàm Thiếu Bảo, tước Quận công. Để giáo dục kẻ sĩ, mở mang Nho học, tuyển chọn nhân tài cho đất nước, năm Nhâm Dần (1662) triều đình cử ông quản lý Văn miếu Quốc Tử Giám và làm tham tụng phủ Chúa Trịnh. Thời gian này, ông còn cho xây dựng bia Tiến sĩ tại huyện Đường Hào (quê hương ông) để khích lệ tinh thần học tập của nhân dân địa phương.

Năm Cảnh Trị thứ ba (1665) đời vua Lê Huyền Tông, Phạm Công Trứ được Tây Vương Trịnh Tạc giao cho việc khảo đính (phụ trách sửa chữa và xem xét) lại bộ sách Đại Việt sử ký toàn thư. Ông đã cùng với Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Quốc Khôi, Đặng Công Chất, Đào Công Chính, Vũ Duy Đoán... khảo, đính toàn bộ bộ sách này, chép từ họ Hồng Bàng đến Ngô sứ quân (thế kỷ X) làm bộ "Đại Việt sử ký ngoại kỷ toàn thư"; từ thời Đinh Tiên Hoàng đến Thái tổ Cao Hoàng đế (Lê triều) làm bộ "Đại Việt sử ký bản kỷ toàn thư", theo trước tác của sử gia Ngô Sĩ Liên. Đây là một đóng góp rất lớn cho quốc sử nước nhà. Cũng trong thời gian này, ông đã biên soạn sách "Bốn mươi bảy điều giáo

hóa" bổ sung cho Hình luật, xây dựng đạo đức góp phần giữ vững kỷ cương phép nước.

Vào năm Đinh Mùi (1667) và Kỷ Dậu (1669), Phạm Công Trứ cùng chúa Trịnh Căn đánh bại quan Mạc tại Cao Bằng, chặn đứng âm mưu của nhà Thanh định mượn cớ "Phù Mạc, diệt Lê" xâm lược nước ta.

Sau 40 năm phục vụ đất nước, năm Mậu Thân (1668) vua đã phong ông làm "Quốc Lão", được tham dự các việc cơ mật trong triều. Cũng thời gian này ông đã xin nghỉ hưu ba lần mới được chấp nhận.

Đến năm Quý Mùi (1673) triều đình lại mời ông ra làm Tể tướng, coi việc sáu bộ, tham tán việc cơ mật.

Ngày 28 tháng 10 năm Ất Mão (1675) Phạm Công Trứ qua đời tại quê nhà, thọ 76 tuổi. Triều đình cho xây dựng đền thờ ông, vua Lê thương tiếc phong tặng "Thái tể, thụy là Trung Cầu".

Cả cuộc đời, ông đã đóng góp công lao xây dựng triều đình, đất nước trong mọi lĩnh vực như chính trị, quân sự, văn học, sử học, pháp luật... Phạm Công Trứ đều có những cống hiến quan trọng, là giường cột của nước nhà.

Phạm Đình Hồ (Mậu Tí 1768-Kỉ Hợi 1839)

Phạm Đình Hồ (Mậu Tí 1768-Kỉ Hợi 1839)

Danh sĩ, tác giả đời Minh Mạng, tự Tùng Niên, Bình Trục, hiệu Đông Dã Triều. Con quan Tham tri Phạm Đình Dư, nên tục gọi là Chiêu Hồ, quê xã Đan Loan, huyện Đường Hòa, tỉnh Hải Dương,

Ông đọc rộng, biết nhiều, nhưng thi không đỗ, lại gặp thời loạn nên muốn ở ẩn. Năm Tân Tị 1821 vua Minh Mạng vời ông ra và bổ làm Hành tẩu viện Hàn lâm, ít lâu ông từ chức.

Năm Bính Tuất 1826, Minh Mạng lại triệu và cho làm Thừa chỉ Viện Hàn Lâm và tế cử Quốc tử giám (như giáo sư Đại học), nhưng năm sau ông cũng xin nghỉ dưỡng bệnh rồi từ chức. Sau, ông trở lại nhận chức cũ, được Thăng thị giảng học sĩ, đến Nhâm Thìn 1832 ông về hưu luôn.

Năm Kỉ Hợi 1839 ông mất, thọ 71 tuổi.

Các tác phẩm chính của ông:

- Lê triều hội điển,
- Bang giao điển lệ,

- An Nam chí,
- Càn khôn nhất lãm,
- Ai Lao sứ trình,
- Đạt Man quốc địa đồ (tức Chân Lạp địa đồ)
- Hi Kinh trúc lãm,
- Nhật dụng thường đàm,
- Vũ trung tùy bút
- Tang thương ngẫu lục,
- Quốc sử tiểu học,
- Hành tại diện đối,
- Quần thư tham khảo,
- Châu Phong tạp khảo,
- Châu Phong thi tập